BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 848 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lĩnh vực thử nghiệm, chứng nhận, giám định

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274 Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Khu Thử nghiệm Biên Hòa:

Số 7 Đường số 1, khu Công nghiệp Biên hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836212 Fax: 0251.3836298

Email: tn-cskh@quatest3.com.vn

b) Khu Văn phòng và Phòng Thí nghiệm:

Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.382 942 74 Fax: 028.382 930 12

Email: info@quatest3.com.vn

thực hiện việc **thử nghiệm, chứng nhận, giám định chất lượng** đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ *(Danh sách sản phẩm, hàng hóa và Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng tương ứng để thử nghiệm; chứng nhận; giám định chất lượng được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận, giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm, chứng nhận, giám định chất lượng do mình thực hiện.

Điều 4. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG ★

Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM, CHỨNG NHẬN, GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 848 /QĐ - TĐC ngày 04/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
1	**Xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học**	
1.1	Xăng không chì	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 1:2015/BKHCN & sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN
1.2	Xăng không chì pha ethanol	
1.3	Nhiên liệu điêzen	
1.4	Nhiên liệu điêzen B5	
1.5	Nhiên liệu điêzen sinh học gốc (B 100) và các hỗn hợp của chúng	
1.6	Ethanol nhiên liệu biến tính/không biến tính. - Ethanol nhiên liệu không biến tính - Ethanol nhiên liệu biến tính	
2	**Khí hóa lỏng (LPG)**	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 8:2019/BKHCN
3	**Mũ bảo hiểm cho người đi môtô, xe máy**	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 2:2008/BKHCN
4	**Đồ chơi trẻ em:** (Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và độ chơi tương tự có bánh (có chiều cao, yên xe tối đa 435 mm); xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đố trí (puzzles) có số miếng ghép dưới 500 miếng ghép).	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 3:2019/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
5	**Các thiết bị điện và điện tử (yêu cầu về an toàn)**	
5.1	**Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời** (Bình đun nước nóng nhanh) dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V đối với thiết bị một pha và 480 V đối với các thiết bị khác. Cụ thể: - Bình đun nước nóng nhanh (Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời) dùng trong gia dụng - Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh,...)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.2	**Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng** (Bình đun nước nóng có dự trữ) dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V, đối với thiết bị một pha và 480 V đối với các thiết bị khác. Bao gồm: - Bình đun nước nóng có dự trữ dùng trong gia dụng - Thiết bị làm nóng lạnh nước có dự trữ (kể cả có bộ phận lọc nước); Máy lọc và làm nóng lạnh nước;	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.3	**Thiết bị điện dùng để chăm sóc da hoặc tóc** cho con người hoặc động vật, dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V. Bao gồm: - Máy sấy tóc - Lược uốn tóc; Kẹp uốn tóc; Lô uốn tóc có thiết bị gia nhiệt tách rời; Thiết bị gia nhiệt dùng cho phương tiện uốn tóc tháo rời được; Thiết bị tạo nếp tóc lâu dài;	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	Máy hấp tóc (sử dụng hơi nước hấp tóc); Máy là tóc - Máy sấy làm khô tay	
5.4	**Thiết bị điện dùng để đun chất lỏng** dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V. Bao gồm: - Nồi cơm điện - Nồi nấu chậm; - Nồi nấu (luộc) trứng; - Nồi hấp; - Ấm sắc thuốc; - Bếp đun dạng tấm đun (Chảo điện); - Nồi áp suất có áp suất nấu danh định không quá 140 kPa và dung tích danh định không vượt quá 101 (lít); - Thiết bị pha cà phê - Ấm đun nước - Các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không quá 101 (lít) (bao gồm cả phích đun nước, bình đun nước, ca đun nước); - Thiết bị đun nóng chai chứa thức ăn; - Thiết bị đun sữa; - Thiết bị đun làm sữa chua; - Nồi giặt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.5	**Quạt điện** dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không vượt quá 250 V đối với quạt điện một pha và 480 V đối với quạt điện khác, có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125W. Bao gồm: a) Quạt bàn và quạt dạng hộp: - Quạt bàn (kể cả quạt phun sương); - Quạt có lắp ắc quy, quạt tích điện sử dụng năng lượng điện và năng lượng mặt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN &Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	trời; - Quạt điện làm mát không khí bằng bay hơi nước (Thiết bị làm mát không khí bằng bay hơi nước) b) Quạt có lưới bảo vệ: - Quạt treo tường (kể cả quạt phun sương); - Quạt đứng (kể cả quạt phun sương); - Quạt thông gió dùng điện một pha; - Quạt có ống dẫn dùng điện một pha; - Quạt điện làm mát bình thường được bố trí thêm sợi dây đốt để sưởi ấm khi có nhu cầu; - Quạt sàn c) Quạt loại khác (không có lưới bảo vệ): - Quạt trần; - Quạt đứng (kể cả quạt phun sương); - Quạt treo tường (kể cả quạt phun sương); - Quạt thông gió dùng điện một pha; - Quạt có ống dẫn dùng điện một pha; - Quạt sàn; - Quạt tháp (dạng hình tháp); - Quạt không cánh (bên ngoài)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN &Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.6	**Bàn là điện** bao gồm các loại bàn là sau: - Bàn là điện không phun hơi nước; - Bàn là điện có phun hơi nước; - Bàn là điện có bình chứa nước hoặc nồi hơi tách rời có dung tích không lớn hơn 5 lít)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.7	**Lò vi sóng** (bao gồm cả lò vi sóng kết hợp nướng): - Lò vi sóng - Lò vi sóng kết hợp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
5.8	**Lò nướng điện, vỉ nướng điện** (Dụng cụ nhiệt điện gia dụng) loại di động có khối lượng không quá 18 kg. Bao gồm: - Bếp đun dạng tấm đun (lò nướng tiếp xúc, vỉ nướng tiếp xúc) - Thiết bị kiểu vỉ nướng và tương tự (như lò quay thịt:..) - Lò liền bếp; - Máy loại bớt nước trong thực phẩm; - Bếp điện; - Lò di động, - Lò nướng raclette; - Lò nướng bức xạ, - Lò quay thịt; - Lò nướng có chuyển động quay - Lò nướng bánh mỳ; - Lò nướng bánh xốp theo khuôn; - Thiết bị đun nấu có chức năng nướng bánh	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.9	**Dây và cáp điện hạ áp** (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50V và trên 1000V)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
5.10	**Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng** dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V (bao gồm cả que đun điện)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN
6	**Các thiết bị điện và điện tử (tương thích điện từ EMC)**	
6.1	**Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời** (bao gồm bình đun nước nóng nhanh sử dụng với mục đích tắm rửa, vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh. Không bao gồm các	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	cây nóng lạnh hoặc bình đun nước nóng khác. Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Cụ thể: - Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời dùng trong gia đình (Bình thủy điện (water dispenser) đun nước nóng, loại gia dụng) - Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh,...)	pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.2	**Máy khoan cầm tay** hoạt động bằng động cơ, sử dụng trong gia dụng (không bao gồm máy gắn liền với động cơ điện hoạt động bằng pin/pin sạc).	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.3	**Bóng đèn có balat lắp liền** (Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng): Bóng đèn huỳnh quang com-pắc đã có chấn lưu lắp liền (SEN)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.4	**Máy hút bụi có động cơ gắn liền** (bao gồm cả máy hút bụi dùng trong thương mại). Bao gồm: - Máy hút bụi có động cơ gắn liền, công suất không quá 1.500 W và có túi hứng bụi hay đồ chứa khác với sức chứa không quá 20 lít - Máy hút bụi có động cơ gắn liền, loại khác phù hợp dùng cho mục đích gia dụng - Máy hút bụi có động cơ gắn liền khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.5	**Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác**, loại dùng điện; bơm nhiệt dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự (Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Bao gồm:	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	- Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình, dung tích không quá 230 lít - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình dung tích lớn hơn 230 lít - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại có dung tích không quá 350 lít. - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại dung tích trên 350 lít - Tủ lạnh loại sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén, có dung tích không quá 230 lít - Tủ lạnh loại sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén, loại khác (như tủ làm mát, tủ bảo quản,…) - Tủ lạnh dùng trong gia đình, loại không sử dụng máy nén - Tủ kết đông loại cửa trên, dung tích không quá 200 lít - Tủ kết đông loại cửa trên, dung tích từ 200 lít đến không quá 800 lít - Tủ kết đông loại cửa trước, dụng tích không quá 200 lít - Tủ kết đông loại cửa trước, dung tích từ 200 lít đến không quá 900 lít - Loại có kiểu dáng nội thất khác để bảo quản và trưng bày: quầy hàng, tủ bày hàng và loại tương tự, có lắp thiết bị làm lạnh, dung tích trên 200 lít (không phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm) - Loại có kiểu dáng nội thất khác: tủ, tủ ngăn và các loại tương tự để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc	đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN - Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	kết đông (không phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm) - Thiết bị làm lạnh đồ uống - Thiết bị cấp nước lạnh (cold water dispenser)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.6	**Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt**, kể cả máy chỉ có chức năng sấy khô hoặc máy giặt có chức năng sấy khô (không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha): - Máy giặt tự động hoàn toàn, loại có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt tự động hoàn toàn, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, có chức năng sấy ly tâm, có sức chứa, không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, có chức năng sấy ly tâm, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.7	**Máy điều hòa không khí**, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt, sử dụng trong gia dụng và các mục đích tương tự (có giới hạn dòng điện không quá 25 A; không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha): - Loại thiết kế để lắp vào cửa sổ, tường, trần hoặc sàn; kiểu một khối (lắp liền trong cùng một vỏ, một cục) hoặc "hệ thống nhiều khối chức năng" (cục nóng,	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	cục lạnh tách biệt), Công suất làm mát không quá 26,38 kW - Điều hòa không khí loại kèm, theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều) khác, công suất làm mát không quá 21,10 kW - Điều hòa không khí loại có kèm theo bộ phận làm lạnh, công suất làm mát không quá 26,38 kW - Điều hòa không khí loại không gắn kèm theo bộ phận làm lạnh, công suất làm mát không quá 26,38 kW	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.8	Máy sấy tóc	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 9 :2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN
6.9	Máy xay thịt	
6.10	Máy xay sinh tố	
6.11	Máy ép trái cây	
6.12	Máy đánh trứng	
6.13	Bếp điện (bao gồm bếp điện từ)	
6.14	Lò vi sóng	
6.15	Lò vi sóng kết hợp	
7	**Thép làm cốt bê tông**	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - QCVN 7:2019/BKHCN
8	**Thép các loại** (bao gồm các loại thép thuộc Phụ lục II và Phụ lục III của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng (Được quy định chi tiết tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN)